BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 15284 /BTC-QLN V/v góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	*Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2017*

ĐẾN Số: 3981
Ngày: 23/11/17
Chuyển: ĐẾN THƯỜNG HỎA-TỐC

Kính gửi: ỦY BAN NHÂN DÂN tỉnh Tây Ninh

Ngày 28/4/2017, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Nghị định số 52/2017/NĐ-CP về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Theo Điều 19 của Nghị định số 52/2017/NĐ-CP, Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định này.

Bộ Tài chính xin gửi kèm dự thảo Thông tư hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28/4/2017 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, đóng góp ý kiến cho dự thảo của Thông tư. Văn bản góp ý xin gửi Bộ Tài chính ***trước ngày 30/11/2017.***

(Bản mềm ý kiến xin gửi về email duongquynhle@mof.gov.vn và nguyenlananh@mof.gov.vn để tiện tổng hợp).

Bộ Tài chính xin cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Vụ NSNN, Vụ CĐKT;
- Vụ ĐT, Vụ TCNH;
- Vụ PC, KBNN;
- Lưu VT, QLN (200b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số:
Ngày:
Chuyển:

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Chương I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Đối tượng áp dụng là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), các cơ quan, tổ chức, cá nhân

có trách nhiệm thực hiện theo dõi, quản lý cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi của Chính phủ.

Điều 2. Nguyên tắc sử dụng vốn cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận vay lại phải nằm trong cân đối tổng thể các nguồn vốn vay của chính quyền địa phương; vốn giải ngân theo phương thức vay lại tính trong hạn mức dư nợ vay của ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phải đảm bảo trong tổng mức vay, bội chi của từng địa phương được Quốc hội quyết định hàng năm.

2. Chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận vay lại phải được đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn, tổng mức vay của ngân sách địa phương bao gồm vay bù đắp bội chi và vay về để trả nợ gốc của ngân sách địa phương nằm trong kế hoạch tài chính 05 năm, dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và được quản lý theo các quy định hiện hành áp dụng đối với vốn ngân sách nhà nước và vốn đầu tư công.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh mục chương trình, dự án đưa vào kế hoạch tài chính 5 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương trình Hội đồng nhân dân xem xét cho ý kiến để tổng hợp trình Chính phủ và Quốc hội quyết định. Khi lập danh mục này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần phân định nguồn vốn vay của ngân sách địa phương cho từng chương trình, dự án cụ thể thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương. Đối với vốn vay lại từ nguồn vay ODA và vay ưu đãi của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần xác định theo cơ cấu tỷ lệ cho vay lại và cấp phát do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ.

4. Trên cơ sở kế hoạch tài chính 5 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được cấp thẩm quyền phê duyệt, sau khi cân đối, bố trí đủ nguồn cho các chương trình dự án đang triển khai, các chương trình, dự án vay mới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các bước lập đề xuất chương trình, dự án và lập chủ trương đầu tư/báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của chương trình, dự án nhận vay lại từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

5. Các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo phương thức Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại phải tuân thủ quy trình lập, chấp hành, hạch toán ngân sách nhà nước, kiểm toán, quyết toán, kiểm tra đối với nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

6. Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận vay lại chỉ sử dụng cho chi đầu tư phát triển cho các công trình thiết yếu thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương và sử dụng làm phần đóng góp của địa phương trong các dự án hợp tác công tư. Không sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi cho các hoạt động chi thường xuyên.

7. Quy trình quản lý, thu hồi vốn cho vay lại từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, xử lý rủi ro cho vay lại thực hiện theo các quy định của Luật Quản lý nợ công, Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ, Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28/4/2017 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 3. Thẩm định khả năng trả nợ của ngân sách địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu gửi Bộ Tài chính để thẩm định khả năng trả nợ của ngân sách địa phương theo quy định tại Khoản 3, 4 và 5 Điều 4 Nghị định số 52/2017/NĐ-CP và căn cứ theo kế hoạch vay trả nợ 5 năm, 3 năm của địa phương để thẩm định nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 52/2017/NĐ-CP. Hồ sơ thẩm định quy định tại Điều 9 của Nghị định số 52/2017/NĐ-CP.

2. Trường hợp mức vốn vay lại từ nguồn vay ODA, vay ưu đãi vượt so với mức vốn vay lại đã được cấp có thẩm quyền cho phép hoặc có thay đổi về việc đáp ứng điều kiện được vay lại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ thẩm định quy định tại Điều 9 của Nghị định số 52/2017/NĐ-CP đã cập nhật theo quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép vay lại từ vay ODA, vay ưu đãi.

3. Việc phân loại nguồn vốn ODA và vay ưu đãi thực hiện theo Khoản 23 Điều 3 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP. Đối với nguồn vốn vay ưu đãi có kèm viện trợ làm thay đổi tính chất của nguồn vốn, việc phân loại nguồn vốn hỗn hợp này sẽ phụ thuộc vào việc tính yếu tố không hoàn lại (GE) của khoản vay. Khoản viện trợ phải gắn liền với khoản vay dự án và được hòa chung vào khoản vay khi xác định cơ chế tài chính cho dự án mới có đủ điều kiện để được xác định yếu tố không hoàn lại của khoản vay.

4. Bộ Tài chính không tiến hành thẩm định khả năng trả nợ của ngân sách địa phương và thông báo gửi lại hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để cân đối lại nhu cầu vay của Dự án và báo cáo cấp có thẩm quyền đối với một trong các trường hợp sau:

a) Dự án chưa được cấp có thẩm quyền cho phép huy động vốn vay để thực hiện đầu tư phát triển kinh tế - xã hội hoặc dự án có phần vốn góp của ngân sách địa phương theo phương thức hợp tác công tư, thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương do cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Đầu tư công.

b) Dự án không được bố trí vốn đối ứng để thực hiện phù hợp với quy định hiện hành.

c) Tổng mức dư nợ vay của ngân sách địa phương tại thời điểm thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án vượt quá hạn mức dư nợ của ngân sách địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

d) Có nợ vay lại của Chính phủ quá hạn trên 180 ngày.

e) Nghĩa vụ trả nợ hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các khoản vay lại vốn ODA, vay ưu đãi vượt quá 10% nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp tại thời điểm xem xét khoản vay lại.

g) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất số vốn vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi có nhu cầu rút vốn vượt hạn mức dư nợ được quy định tại kế hoạch tài chính 5 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h) Mức dư nợ cuối năm sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các khoản vay lại vốn vay ODA và vay ưu đãi theo quy định tại Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 52/2017/NĐ-CP và các khoản vay trong nước mà vẫn lớn hơn hạn mức dư nợ vay của ngân sách địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách 3 năm.

Chương II

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỐI VỚI NGUỒN VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI CHO VAY LẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng dự toán ngân sách cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch giải ngân và trả nợ trung hạn đối với phần vốn nhận vay lại của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo thời kỳ ổn định ngân sách địa phương 05 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, kế hoạch tài chính 5 năm và kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Sau khi kế hoạch trung hạn được cấp thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính kế hoạch giải ngân và trả nợ trung hạn đối với nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi vay lại để theo dõi.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán ngân sách vay lại hàng năm của các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, trên cơ sở kế hoạch trung hạn được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc kế hoạch điều chỉnh, bổ sung,

3.Việc lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho phần vốn cấp phát và cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài chính, đảm bảo mức bố trí vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo phương thức vay lại nằm trong tổng mức vay, bội chi hàng năm của ngân sách địa phương được Quốc hội phê duyệt, phù hợp với các điều ước quốc tế, thỏa thuận về ODA và vốn vay ưu đãi đã ký kết, phù hợp với khả năng giải ngân của các chương trình, dự án vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

4. Việc lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho phần vốn cấp phát và cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đảm bảo phù hợp với tỷ lệ về cấp phát và cho vay lại đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Lập dự toán ngân sách hàng năm đối với nguồn vốn vay ODA vay ưu đãi cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá tình hình giải ngân vốn vay lại nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, việc trả nợ (gốc, lãi, phí) của năm hiện tại để làm cơ sở cho việc lập dự toán năm sau.

2. Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương, hạn mức dư nợ vay theo quy định và nhu cầu vốn đầu tư phát triển, tình hình giải ngân vốn vay lại nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, việc trả nợ (gốc, lãi, phí) của năm hiện tại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi, trả nợ của ngân sách cấp tỉnh, bao gồm các nội dung sau:

a) Dự toán bội chi ngân sách địa phương;

b) Dự kiến tổng mức vay trong năm vay từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại theo đúng cam kết giải ngân cho từng dự án,

c) Chi trả nợ đến hạn phát sinh trong năm dự toán (bao gồm trả nợ gốc, nợ lãi, phí và chi phí khác có liên quan); và dự kiến nguồn trả nợ;

d) Cân đối ngân sách cấp tỉnh năm hiện hành, năm dự toán và khả năng trả nợ của ngân sách các năm tiếp theo;

đ) Dư nợ vốn vay của địa phương đến ngày 31 tháng 12 năm trước và năm dự toán ngân sách không vượt mức dư nợ vay theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước và khoản 6 Điều 4 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

3. Biểu mẫu dự toán ngân sách hàng năm đối với nguồn vốn vay ODA vay ưu đãi cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nêu tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

4. Dự án đầu tư đề nghị sử dụng từ nguồn vốn vay phải nằm trong danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết

định (đối với các năm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn) và bảo đảm thủ tục đầu tư theo quy định;

5. Dự toán ngân sách hàng năm của địa phương phải được báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, cho ý kiến. Sau khi có ý kiến đồng ý của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo dự toán ngân sách địa phương đến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu trước ngày 20 tháng 7 hằng năm;

6. Căn cứ kế hoạch ngân sách năm được Quốc hội phê duyệt, trong tổng mức vay, bội chi ngân sách địa phương được Quốc hội quyết định hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giao kế hoạch giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi hàng năm theo hình thức vay lại theo từng chương trình, dự án, từng hiệp định đã ký kết.

7. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi phê duyệt, Chủ dự án gửi Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao kế hoạch vốn vay lại hàng năm của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi gửi cho Bộ Tài chính, cơ quan tài chính cấp tỉnh và cơ quan kiểm soát chi.

8. Sau khi phân bổ kế hoạch vốn hàng năm, cơ quan tài chính cấp tỉnh thực hiện nhập và phê duyệt kế hoạch chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn vay lại vào Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (Hệ thống TABMIS) theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống TABMIS.

9. Trường hợp chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi dự kiến giải ngân vượt kế hoạch vốn vay lại nhưng nằm trong tổng mức vay, bội chi ngân sách địa phương được Quốc hội quyết định hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ cho phép điều hòa kế hoạch vốn vay lại.

10. Trường hợp chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi dự kiến giải ngân vượt kế hoạch vốn vay lại nằm ngoài tổng mức vay, bội chi ngân sách địa phương được Quốc hội quyết định hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

Chương III
THỰC HIỆN CHO VAY LẠI VÀ QUẢN LÝ VỐN VAY

Điều 6. Thỏa thuận cho vay lại

1. Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Thỏa thuận cho vay lại theo quy định tại Điều 10 của Nghị định số 52/2017/NĐ-CP trên cơ sở Mẫu Thỏa thuận cho vay lại tại Phụ lục 02 của Thông tư này. Điều kiện cho vay lại và các nội dung cụ thể được Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thỏa thuận điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số

52/2017/NĐ-CP phù hợp với Thỏa thuận vay nước ngoài và văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thỏa thuận cho vay lại ký làm 06 bản. Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mỗi bên giữ 03 bản có giá trị pháp lý như nhau. Trong số bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính tỉnh và Kho bạc Nhà nước tại tỉnh/thành phố mỗi bên giữ 01 bản.

3. Khi Thỏa thuận cho vay lại có hiệu lực, Chủ dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi có trách nhiệm theo dõi các khoản giải ngân thuộc khoản vay lại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, định kỳ báo cáo Sở Tài chính cấp tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về số vốn đã giải ngân, ngày nhận nợ và số dư nợ gốc.

4. Trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh muốn áp dụng chuyển đổi điều kiện vay (đồng tiền nhận vay, lãi suất vay, ...) được quy định trong Thỏa thuận vay nước ngoài, việc chuyển đổi này phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi đề nghị Nhà tài trợ thực hiện chuyển đổi này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến các việc chuyển đổi điều kiện vay tính trên toàn bộ vốn vay nước ngoài (kể cả phần vốn được cấp phát). Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu mọi rủi ro hối đoái, lãi suất nếu có sau khi đã thực hiện chuyển đổi điều kiện vay. Trường hợp Bộ Tài chính quyết định việc chuyển đổi điều kiện vay (đồng tiền nhận vay, lãi suất vay, ...), Bộ Tài chính sẽ thông báo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi hoàn thành thủ tục chuyển đổi với nhà tài trợ. Bộ Tài chính chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến các việc chuyển đổi điều kiện vay tính trên toàn bộ vốn vay nước ngoài đối với trường hợp này.

5. Khoản vay lại từ nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi được tính trong bội chi hàng năm của ngân sách địa phương được Quốc hội phê duyệt. Trong quá trình giải ngân nguồn vốn ODA và vay ưu đãi, trường hợp số dư nợ vay của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vượt hạn mức vay, bội chi ngân sách địa phương được Quốc hội quyết định hàng năm quy định theo Luật Ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính tạm dừng giải ngân phần vốn vay lại cho đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí trả nợ cho các khoản vay trước đây để đưa mức dư nợ của ngân sách tỉnh về dưới hạn mức dư nợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 7. Kiểm soát chi và thủ tục rút vốn

1. Kiểm soát chi, thủ tục rút vốn và quản lý rút vốn nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi phần vốn cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý tài chính đối với nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

2. Kho bạc Nhà nước các cấp thực hiện việc kiểm soát hồ sơ thanh toán của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận vay lại. Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư do Chủ dự án lập gửi cơ quan kiểm soát chi của chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận vay lại thực hiện theo mẫu tại Phụ lục số 3 kèm Thông tư này.

Điều 8. Thời điểm nhận nợ

1. Thời điểm nhận nợ là ngày nhà tài trợ bắt đầu tính nợ trong thông báo giải ngân và thông báo lãi gốc hóa của nhà tài trợ hoặc ngày chuyển tiền ghi trong sao kê tài khoản của ngân hàng phục vụ.

2. Khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đáp ứng các quy định và điều kiện được phép vay, bội chi quy định tại Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi được giải ngân theo đúng quy định. Mọi khoản giải ngân theo yêu cầu của Chủ dự án hoặc cơ quan được ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và khoản lãi gốc hóa do Nhà tài trợ trích trên khoản vay cho dự án đều tạo thành khoản nợ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Thỏa thuận cho vay lại đã ký kết ngay tại thời điểm giải ngân. Thời điểm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận nợ được quy định như sau:

a) Đối với trường hợp dự án nhận vốn vay từ nhà tài trợ, thời điểm nhận nợ là thời điểm nhà tài trợ ghi nợ giải ngân về tài khoản tạm ứng/tài khoản đặc biệt tại Trung ương, giải ngân trực tiếp cho nhà thầu, cung cấp dịch vụ, và giải ngân theo Thư tín dụng của chủ dự án.

b) Đối với trường hợp dự án nhận vốn vay thông qua tài khoản của chủ dự án cấp Trung ương, thời điểm nhận nợ là thời điểm chuyển tiền từ tài khoản cấp Trung ương sang tài khoản cấp tỉnh hoặc thời điểm chuyển tiền thanh toán cho các bên liên quan từ tài khoản cấp Trung ương theo yêu cầu của chủ dự án cấp tỉnh.

c) Đối với trường hợp Thỏa thuận vay nước ngoài quy định việc gốc hóa lãi, thời điểm nhận nợ là thời điểm gốc hóa lãi được quy định tại Thỏa thuận vay nước ngoài và Thỏa thuận cho vay lại.

3. Định kỳ hàng quý, Bộ Tài chính ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Giấy nhận nợ theo Mẫu đính kèm tại Phụ lục 4 Thông tư này.

Điều 9. Thực hiện trả nợ

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả nợ đầy đủ, đúng hạn cho Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định số 52/2017/NĐ-CP và Thỏa thuận cho vay lại đã ký kết.

Theo kỳ hạn trả nợ được quy định tại Thỏa thuận cho vay lại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Tài chính cấp tỉnh tự tính số nợ gốc, lãi, phí phải trả và chuyển cho Bộ Tài chính vào tài khoản của Quỹ Tích lũy trả nợ vào đúng ngày đã quy định trong Thỏa thuận cho vay lại. Trường hợp kỳ trả nợ vào ngày nghỉ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuyển trả nợ vào ngày làm việc liền kề trước ngày nghỉ.

Trên cơ sở thông báo lãi suất của nhà tài trợ, Bộ Tài chính thông báo lãi suất từng kỳ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/ Sở Tài chính cấp tỉnh trong trường hợp lãi suất cho vay lại là lãi suất thả nổi.

Việc trả nợ tính trên cơ sở là đồng tiền cho vay lại. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả nợ bằng ngoại tệ nếu có nguồn thu từ dự án bằng ngoại tệ hoặc giao dịch với các ngân hàng thương mại trong nước để mua ngoại tệ. Trong trường hợp trả nợ bằng đồng Việt Nam (VNĐ) thực hiện theo quy định của Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 52/2017/NĐ-CP.

2. Hàng năm, sau khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 2 của Điều 13 của Nghị định số 52/2017/NĐ-CP, Bộ Tài chính tiến hành đối chiếu số liệu các khoản vay lại nguồn vay ODA và vay ưu đãi với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho năm tài khóa trước để thống nhất số liệu giải ngân và số liệu trả nợ phát sinh trong năm và thực hiện điều chỉnh số liệu khi phát sinh chênh lệch.

a) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả nợ thiếu so với số nợ phải trả, khi nhận được thông báo của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả nợ bổ sung kèm lãi phạt quá hạn phát sinh đối với số tiền nợ còn thiếu. Mức lãi chậm trả được áp dụng theo Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 52/2017/NĐ-CP.

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả nợ thừa so với số nợ phải trả theo quy định, Bộ Tài chính thực hiện giảm trừ vào kỳ trả nợ tiếp theo trên cơ sở thông báo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và xác nhận của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị trả nợ trước hạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông báo cho Bộ Tài chính bằng văn bản tối thiểu 45 ngày trước kỳ hạn trả nợ hoặc trước thời hạn quy định của Thỏa thuận vay nước ngoài về trả nợ trước hạn để Bộ Tài chính trao đổi với nhà tài trợ. Việc trả nợ trước hạn chỉ thực hiện khi có ý kiến đồng thuận của Bộ Tài chính và nhà tài trợ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả phí trả nợ trước hạn theo quy định của Thỏa thuận vay nước ngoài hoặc Thỏa thuận cho vay lại.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bảo đảm việc trả nợ các khoản vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi trước khi trả các khoản nợ khác. Trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ trả được một phần các nghĩa vụ đến hạn, thứ tự để ưu tiên trừ nợ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV
HẠCH TOÁN CHO VAY LẠI

Điều 10. Nguyên tắc hạch toán cho vay lại

1. Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải được hạch toán đầy đủ, chính xác kịp thời vào ngân sách các cấp.

2. Việc hạch toán vay nguồn vốn vay nước ngoài và chi cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện trên cơ sở thông báo giải ngân vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ hoặc ngân hàng phục vụ.

3. Bộ Tài chính thực hiện hạch toán cho vay lại qua Kho bạc Nhà nước.

4. Việc hạch toán chi cho Dự án từ nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại do Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện.

5. Kho bạc Nhà nước các cấp tổ chức hạch toán, kế toán Ngân sách nhà nước đối với các nguồn vốn ODA, vay ưu đãi cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nguyên tắc áp dụng tỷ giá quy đổi khi hạch toán cho vay lại tại Bộ Tài chính

1. Các khoản tiền nhà tài trợ giải ngân bằng ngoại tệ cho chủ dự án vào tài khoản tạm ứng/Tài khoản đặc biệt của trung ương, thanh toán cho nhà thầu, nhà cung cấp, thanh toán từ tài khoản tạm ứng của Trung ương cho tài khoản tạm ứng mở tại tỉnh, tiền lãi gốc hóa khi hạch toán bằng đồng Việt Nam áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước công bố hàng tháng tại thời điểm thanh toán.

2. Đối với các khoản thanh toán bằng VNĐ áp dụng tỷ giá thanh toán thực tế của nhà tài trợ giữa đồng tiền nhận nợ và đồng tiền thanh toán.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận nợ bằng ngoại tệ theo tiến độ giải ngân của nhà tài trợ không phụ thuộc vào tiến độ hạch toán của Bộ Tài chính.

Điều 12. Hạch toán cho vay lại vào ngân sách các cấp

1. Hạch toán vào Ngân sách trung ương

a) Các chương trình, dự án cho vay lại một phần và cấp phát theo hình thức ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương, căn cứ vào thông báo giải ngân của Nhà tài trợ, và sao kê tài khoản cấp trung ương đối với trường hợp dự án có tài khoản cấp Trung ương và địa phương, Bộ Tài chính thực hiện ghi vay của Chính phủ nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi, ghi chi cho cơ quan cho vay lại là Bộ Tài chính để cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo tỷ lệ cho vay lại đã quy định trong Thỏa thuận cho vay lại.

b) Thông báo hạch toán cho vay lại (Lệnh ghi vay ghi chi ngân sách) của Bộ Tài chính là chứng từ để hạch toán ngân sách nhà nước, không sử dụng để làm cơ sở nhận nợ và trả nợ.

c) Số vay của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại được theo dõi tại Kho bạc Nhà nước (Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước) thực hiện theo dõi phải thu về tiền vay cho vay lại đã nhận nợ, và ghi phải trả tiền vay của Chính phủ vay về cho Ngân sách địa phương vay lại đã nhận nợ; khi số vay về cho địa phương vay đã chuyển cho ngân sách địa phương, Kho bạc Nhà nước thực hiện tất toán cặp tài khoản này.

2. Hạch toán vốn vay lại vào Ngân sách địa phương:

a) Hạch toán nguồn vốn vay lại:

Thông báo hạch toán cho vay lại của Bộ Tài chính chuyển cho Sở Tài chính cấp tỉnh. Sở Tài chính cấp tỉnh thực hiện theo dõi và ghi nhận vốn cho vay lại vào mục bội chi ngân sách địa phương.

b) Hạch toán sử dụng vốn cho vay lại tại địa phương:

Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, căn cứ Giấy đề nghị ghi thu ghi chi vốn ODA, vay ưu đãi của chủ dự án sau khi kiểm soát đảm bảo đủ thủ tục (theo mẫu nêu tại Phụ lục số 2 của Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính) thực hiện hạch toán đồng thời: Ghi vay ghi chi vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ vay về cho ngân sách địa phương vay lại; ghi vay – vay lại vốn vay ODA và vay ưu đãi ngoài nước của Chính phủ về cho ngân sách địa phương; ghi chi đầu tư phát triển thực hiện dự án. Việc hạch toán ghi vay lại vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi đã ghi chi cho Dự án thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 16 Thông tư số 111/2016/TT-BTC.

c) Trường hợp khoản lãi trong thời gian ân hạn, phí cam kết và các loại phí khác được gốc hóa theo thỏa thuận với nhà tài trợ, Bộ Tài chính làm thủ tục hạch toán cho vay lại và thông báo số tiền và thời điểm gốc hóa cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Tài chính cấp tỉnh để nhận nợ.

d) Hạch toán chênh lệch tỷ giá số vốn nhận vay lại khi có phát sinh chênh lệch được xử lý theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Hạch toán trả nợ

Căn cứ dự toán và nghĩa vụ trả nợ đến hạn, Sở Tài chính cấp tỉnh lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh để thực hiện xuất quỹ ngân sách địa phương chi trả, đồng thời hạch toán giảm nợ vay (đối với các khoản trả nợ gốc) và hạch toán chi ngân sách địa phương (đối với các khoản trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ khoản vay) theo quy định.

4. Kết thúc niên độ ngân sách, căn cứ số liệu rút vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo thông báo của nhà tài trợ hoặc của ngân hàng phục vụ và số vốn vay ODA và vay ưu đãi cho vay lại đã được hạch toán qua Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đối chiếu số liệu rút vốn, trả nợ gốc, lãi, phí (kể cả lãi phạt, nếu có) và số dư nợ cuối kỳ. Trong trường hợp có chênh lệch số liệu giải ngân và số hạch toán ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tài chính thực hiện điều chỉnh hạch toán ngân sách nhà nước.

Điều 13. Điều chỉnh số liệu hạch toán cho vay lại

1. Việc điều chỉnh số liệu hạch toán cho vay lại nhằm xử lý chênh lệch giữa số liệu đã hạch toán cho vay lại với số liệu rút vốn thực tế chỉ được thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Vốn đã rút nhưng không sử dụng hết hoặc chi sai mục đích phải trả lại nhà tài trợ theo quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết;

b) Thay đổi về cơ chế tài chính trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

c) Điều chỉnh các sai sót hoặc nhầm lẫn khác trong quá trình hạch toán cho vay lại giữa Bộ Tài chính với các cơ quan cho vay lại.

2. Quy trình và thủ tục điều chỉnh

a) Đối với các dự án vay vốn ODA và vay ưu đãi cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Bộ Tài chính thực hiện hạch toán cho vay lại, căn cứ văn bản đề nghị của Chủ dự án hoặc điều chỉnh số liệu giải ngân theo thông báo, Bộ Tài chính lập Phiếu điều chỉnh và thông báo cho Kho bạc Nhà nước.

b) Căn cứ vào Phiếu điều chỉnh số liệu hạch toán cho vay lại, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán điều chỉnh số liệu hạch toán cho vay lại và gửi các liên Phiếu điều chỉnh số liệu cho chủ dự án để điều chỉnh các số liệu hạch toán tương ứng trên các báo cáo kế toán và quyết toán vốn nước ngoài nhận vay lại.

c) Vào năm tài khóa kết thúc dự án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Tài chính cấp tỉnh đối chiếu số liệu vay nợ của toàn dự án với Bộ Tài chính và thống nhất số dư nợ gốc của toàn dự án, lịch trả nợ gốc, điều chỉnh số liệu hạch toán cho vay lại với Bộ Tài chính.

Chương V
CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, QUYẾT TOÁN, BÁO CÁO, KIỂM TRA

Điều 14. Chế độ kế toán

Chế độ kế toán chương trình dự án sử dụng nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi phần vốn cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý tài chính đối với nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Điều 15. Kiểm toán, Quyết toán và kiểm tra

Chương trình dự án sử dụng nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi phần vốn cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý tài chính đối với nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Điều 16. Chế độ báo cáo

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính báo cáo tình hình sử dụng, trả nợ các khoản vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 52/2017/NĐ-CP. Mẫu báo cáo hàng năm thực hiện theo hướng dẫn của Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công. Mẫu báo cáo hàng quý thực hiện theo Phụ lục 5 của

Thông tư này. Trường hợp, sau 3 tháng (đối với báo cáo năm) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không nộp báo cáo theo quy định tại Thông tư này, Bộ Tài chính gửi công văn thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vẫn tiếp tục không nộp báo cáo, Bộ Tài chính lập danh sách các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa nộp báo cáo đưa vào diện kiểm tra, thanh tra tài chính trong kế hoạch kiểm tra, thanh tra sử dụng vốn vay nợ công.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt cơ chế tài chính sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi và ký Hiệp định vay vốn nước ngoài trước khi Nghị định số 52/2017/NĐ-CP có hiệu lực và chưa thực hiện thẩm định khả năng trả nợ của địa phương, Bộ Tài chính thực hiện thẩm định khả năng trả nợ của địa phương theo quy định tại Nghị định số 52/2017/NĐ-CP trước khi ký kết Thỏa thuận cho vay lại.

2. Các Thỏa thuận cho vay lại với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ký kết thực hiện trả nợ theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày .....

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các cơ quan:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Tài chính cấp tỉnh chủ động tổ chức quản lý, đối chiếu số liệu kiểm tra, giám sát để nắm được đầy đủ tình hình giải ngân, nhận nợ và đảm bảo trả nợ đầy đủ, tuân thủ đúng quy định về hạn mức nợ, bội chi. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán cho vay đối với các chương trình dự án không vượt mức trần nợ công trong phạm vi bội chi ngân sách địa phương được Quốc hội phê duyệt.

b) Chủ dự án chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành, cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình thực hiện dự án và tình hình giải ngân cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Tài chính cấp tỉnh để có cơ sở tính toán trả nợ theo Thỏa thuận cho vay lại đã ký kết.

c) Kho bạc Nhà nước kiểm soát, xác nhận thanh toán cho dự án theo dự toán được giao và hạch toán nguồn vốn vay và trả nợ theo lệnh của cơ quan tài chính.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa được hướng dẫn tại Thông tư này, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời cho Bộ Tài chính để hướng dẫn, phối hợp giải quyết.

Nơi nhận:
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- VPTW Đảng và các Ban của Đảng;
- VP Chủ tịch nước;
- VP Quốc hội;
- VPCP;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ,CQ thuộc CP;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan TW các tổ chức, đoàn thể;
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- VP Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

HỆ THỐNG MẪU BIỂU

(ban hành kèm theo Thông tư số /2017/TT-BTC ngày ..... của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

Số phụ lục	Tên mẫu/phụ lục
Phụ lục số 01	Kế hoạch vay trả nợ vay lại của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
Phụ lục số 02	Mẫu Thỏa thuận cho vay lại
Phụ lục số 03	Mẫu Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư
Phụ lục số 04	Mẫu giấy nhận nợ
Phụ lục số 05	Mẫu báo cáo hàng quý về sử dụng vốn vay và kế hoạch trả nợ vay lại của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số ..... /2017/NĐ-CP của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức thực hiện cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với UBND Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.)

Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh

KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ VAY LẠI CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Năm .....

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Nhà tài trợ	Dư nợ đầu năm	Kế hoạch giải ngân năm kế hoạch	Nghĩa vụ trả nợ trong năm kế hoạch			Dư nợ cuối năm kế hoạch
				Gốc	Lãi và phí	Tổng cộng	
A	B	1	2	4		5	
Mức dư nợ vay tối đa của NSĐP							
Bộ chi ngân sách địa phương							
1. Vay lại vốn ODA							
Dự án...							
Dự án...							
Dự án...							
2. Vay lại vốn vay ưu đãi							
Dự án...							
Dự án...							
Tổng cộng							

Phụ lục 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số ..... /2017/NĐ-CP của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức thực hiện cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với UBND Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THỎA THUẬN CHO VAY LẠI

GIỮA

BỘ TÀI CHÍNH

VÀ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...

CHO DỰ ÁN

(tên Dự án...)

(số hiệu khoản vay ... của Nhà tài trợ ...)

Hà Nội, Ngày tháng năm

THỎA THUẬN CHO VAY LẠI GIỮA BỘ TÀI CHÍNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ..... VỀ VIỆC SỬ DỤNG KHOẢN VAY SỐ ..... CỦA ..... TÀI TRỢ CHO DỰ ÁN .....

Thoả thuận cho vay lại này ký ngày tháng năm (sau đây gọi là "Thoả thuận cho vay lại") giữa Bộ Tài chính, được đại diện bởi Ông/Bà... *chức danh* và Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... (sau đây gọi là "UBND tỉnh/thành phố...") được đại diện bởi Ông/Bà ..., *chức danh* Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ:

1. Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH11 ngày 17/06/2009;

2. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

3. Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

4. Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28/4/2017 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

5. Thông tư số ...../201.../TT-BTC ngày .... của Bộ Tài chính về Hướng dẫn về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

6. Hiệp định vay số hiệu... ký kết ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là "Hiệp định vay") giữa Chính phủ/Nhà nước CHXHCN Việt Nam (sau đây gọi là Việt Nam) và (tên Nhà tài trợ), theo đó (Nhà tài trợ) đồng ý cho Việt Nam vay một khoản vay trị giá ... (sau đây gọi là "Khoản vay") để tài trợ cho dự án (tên Dự án) (sau đây gọi là "Dự án");

7. Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và cơ chế tài chính cho dự án (tên Dự án) vay vốn (tên Nhà tài trợ);

8. Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố về việc phê duyệt Dự án (tên Dự án);

10..Các tài liệu khác có liên quan.

Bộ Tài chính và UBND tỉnh/thành phố... thống nhất ký Thoả thuận cho vay lại này theo các điều kiện và điều khoản quy định sau đây:

ĐIỀU I
Các định nghĩa

Mục 1.01

Các thuật ngữ được sử dụng trong Thỏa thuận cho vay lại này đều có nghĩa tương ứng như đã được quy định tại Hiệp định vay.

ĐIỀU II

Các điều khoản và điều kiện của Thoả thuận cho vay lại

Mục 2.01: Điều khoản và điều kiện cho vay lại

Bộ Tài chính cho UBND tỉnh/thành phố..... vay lại một phần/toàn bộ vốn vay nước ngoài theo Hiệp định vay số .....đã ký giữa .....với .....ngày (sau đây gọi là Hiệp định vay) để thực hiện chương trình/dự án theo các điều kiện sau:

a. Đồng tiền cho vay lại và đồng tiền nhận nợ là: ....

b. Trị giá cho vay lại: .....

c. Thời hạn cho vay lại: .....

d. Lãi suất cho vay lại: ....

e. Các loại phí phải trả cho nước ngoài: (bao gồm phí cam kết, lãi phạt chậm trả, phí trả nợ trước hạn và các chi phí khác phát sinh tính trên toàn bộ số vốn vay ODA, vay ưu đãi được tiếp nhận).

g. Lãi phạt chậm trả: Đối với bất cứ đợt trả nợ gốc, lãi phí quá hạn nào của khoản vay lại nêu ở Khoản (d) và (e) của Mục này, UBND tỉnh/thành phố..... sẽ phải trả lãi phạt theo mức cao hơn được xác định theo một trong hai mức sau: bằng 150% lãi suất cho vay lại hoặc mức mức lãi suất chậm trả quy định tại Hiệp định vay, áp dụng cho số ngày quá hạn.

h. Lãi và lãi chậm trả được tính trên cơ sở số ngày thực tế áp dụng với một năm là 360 ngày, một tháng có 30 ngày (hoặc trên số ngày thực tế tùy theo quy định của Hiệp định vay nước ngoài).

i. Ngày trả nợ: áp dụng theo ngày trả nợ quy định tại Hiệp định vay.

k. Trường hợp Việt Nam được nhà tài trợ yêu cầu áp dụng điều khoản trả nợ nhanh, các điều khoản và điều kiện nêu tại Điểm (c) và (d) của Mục này sẽ được điều chỉnh tương ứng.

l. UBND tỉnh/thành phố..... có thể thực hiện trả nợ trước khoản vay lại nếu Hiệp định vay nước ngoài cho phép. Việc trả nợ trước hạn chỉ thực hiện khi có ý kiến đồng thuận của nhà tài trợ và Bộ Tài chính. UBND tỉnh/thành phố..... chịu trách nhiệm trả các khoản phí liên quan tới việc trả nợ trước hạn.

m. UBND tỉnh/thành phố..... phải thanh toán trực tiếp cho các ngân hàng phục vụ trong nước đối với các loại phí do các ngân hàng phục vụ này thu.

n. Việc trả nợ các khoản vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi phải được UBND tỉnh/thành phố..... bảo đảm trước khi trả các khoản nợ khác của UBND cấp tỉnh.

o. Trường hợp, UBND tỉnh/thành phố..... chỉ trả được một phần các nghĩa vụ đến hạn, thứ tự để ưu tiên trừ nợ như sau: lãi phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi đến hạn, gốc quá hạn, và gốc đến hạn.

p. UBND cấp tỉnh trả nợ bằng ngoại tệ nếu có nguồn thu từ dự án bằng ngoại tệ hoặc giao dịch với các ngân hàng thương mại trong nước để mua ngoại tệ. Trường hợp UBND tỉnh/thành phố..... trả nợ bằng VNĐ, tỷ giá quy đổi là tỷ giá bán ra đồng ngoại tệ cho vay lại tại thời điểm trả nợ của ngân hàng phục vụ hoặc của Sở Giao dịch Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam trong trường hợp không có tỷ giá tương ứng của ngân hàng phục vụ để thu hồi nợ.

q. Tài khoản trả nợ:

UBND tỉnh/thành phố..... chủ động tính và thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản trả nợ gốc, lãi, phí (nếu có) của Khoản vay lại trả cho Bộ Tài chính theo số tài khoản sau:

- Tên tài khoản: Cục QLN TCDN_BTC_QUỸ TLTN NƯỚC NGOÀI (THU HỒI CHO VAY LẠI BẰNG USD)

Số hiệu tài khoản: 3761.0.9068446.91002 (Trong trường hợp trả nợ bằng USD); hoặc

- Tên tài khoản: Cục QLN TCDN_BTC_QUỸ TLTN NƯỚC NGOÀI (THU HỒI CHO VAY LẠI BẰNG VNĐ).

Số hiệu tài khoản: 3761.0.9068445.91002 (Trong trường hợp trả nợ bằng VNĐ).

- Tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước.

hoặc tài khoản khác theo thông báo bằng văn bản của Bộ Tài chính.

r. Trong Hiệp định vay quy định việc chuyển đổi đồng tiền vay hoặc lãi suất vay, UBND tỉnh/thành phố..... muốn chuyển đổi đồng tiền nhận vay hoặc lãi suất vay thì phải được sự phê duyệt của Bộ Tài chính trước khi đề nghị Nhà tài trợ thực hiện chuyển đổi này. UBND tỉnh/thành phố..... phải chịu toàn bộ (hoặc một l phần chi phí chuyển đổi) các chi phí liên quan đến các việc thay đổi này theo qui định của Nhà tài trợ, và chịu các rủi ro hối đoái, lãi suất nếu có.

Mục 2.03: Thời điểm nhận nợ:

- Đối với trường hợp dự án nhận vốn vay từ nhà tài trợ, thời điểm nhận nợ là thời điểm nhà tài trợ ghi nợ giải ngân về tài khoản tạm ứng, giải ngân trực tiếp cho nhà thầu, cung cấp dịch vụ, và giải ngân theo Thư tín dụng của chủ dự án.

- Đối với trường hợp dự án nhận vốn vay thông qua tài khoản của chủ dự án cấp Trung ương, thời điểm nhận nợ là thời điểm chuyển tiền từ tài khoản cấp Trung ương sang tài khoản cấp tỉnh hoặc thời điểm chuyển tiền thanh toán cho các bên liên quan từ tài khoản cấp Trung tương theo yêu cầu của chủ dự án cấp tỉnh.

- Đối với trường hợp Hiệp định vay quy định việc gốc hóa lãi, thời điểm nhận nợ là thời điểm gốc hóa lãi được quy định tại Thỏa thuận vay nước ngoài và Thỏa thuận cho vay lại.

c. UBND tỉnh/thành phố..... nhận nợ với Bộ Tài chính bằng đồng ngoại tệ.

Mục 2.04: Đối chiếu nợ

Định kỳ hàng quý, Bộ Tài chính ký với UBND cấp tỉnh Giấy nhận nợ theo Mẫu đính kèm tại Phụ lục 4 và Phụ lục 5 của Thông tư ...../2017/BTC-TT ngày .....

Vào năm tài khóa kết thúc dự án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Tài chính cấp tỉnh đối chiếu số liệu vay nợ của toàn dự án với Bộ Tài chính và thống nhất số dư nợ gốc của toàn dự án, lịch trả nợ gốc, điều chỉnh số liệu hạch toán cho vay lại với Bộ Tài chính.

ĐIỀU III
Trách nhiệm của các bên

Mục 3.01. Trách nhiệm của UBND tỉnh/thành phố..... :

a. UBND tỉnh/thành phố..... phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính để bảo đảm thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ của mình theo Thỏa thuận cho vay lại này.

b. UBND tỉnh/thành phố..... có trách nhiệm bố trí vốn từ nguồn ngân sách địa phương và/hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để trả đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ (gốc, lãi, phí) của khoản vay lại. Trường hợp vốn cho vay lại không được hoàn trả đúng hạn, UBND tỉnh/thành phố..... phải trả lãi chậm trả theo quy định tại Điều II của Thỏa thuận này.

c. Nghĩa vụ trả nợ các khoản vay lại đã ký kết phải được tính toán đầy đủ khi lập dự toán ngân sách hàng năm và kế hoạch tài chính trung hạn của ngân sách địa phương.

d. UBND tỉnh/thành phố..... giao Sở Tài chính tỉnh/thành phố:

i. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị được giao trách nhiệm thường trực dự án theo dõi, đánh giá quá trình quản lý vốn vay lại thuộc Dự án, xây dựng cơ

sở dữ liệu về tình hình vay nợ của tỉnh, đảm bảo việc vay lại phù hợp với hạn mức vay, theo dõi và lập kế hoạch hoàn trả nợ vay lại khi đến hạn.

ii. Hàng quý, Sở Tài chính tỉnh/thành phố ..... có trách nhiệm báo cáo gửi Bộ Tài chính đánh giá việc sử dụng vốn vay lại và kế hoạch trả nợ vốn vay lại trong quý sắp tới.

iii. Hàng năm, không muộn hơn 60 ngày khi kết thúc năm tài khóa trước, Sở Tài chính tỉnh/thành phố ..... gửi Bộ Tài chính báo cáo tình hình sử dụng, trả nợ các khoản vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi, gồm số dư nợ đầu kỳ, số rút vốn, số trả nợ trong kỳ, số dư nợ cuối kỳ, số nợ quá hạn (nếu có) theo nguyên tệ vay và quy sang đồng Việt Nam.

Mục 3.02: Trách nhiệm của Chủ Dự án.

Hàng quý và chậm nhất 15 ngày trước khi đến kỳ trả nợ như quy định tại Mục 2.01, đơn vị được UBND tỉnh/thành phố..... giao làm Chủ dự án tổng hợp, báo cáo Sở Tài chính và UBND tỉnh/thành phố..... về tình hình thực hiện và số tiền giải ngân của dự án, để Sở Tài chính tỉnh/thành phố ..... tính toán lãi, phí và gốc phải trả và bố trí từ ngân sách tỉnh trả nợ cho Ngân sách trung ương.

Mục 3.03: Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a. Bộ Tài chính đảm bảo thực hiện các trách nhiệm của mình theo các quy định hiện hành về quản lý, giải ngân, hạch toán ngân sách nhà nước, và thu hồi nguồn vốn vay lại thuộc Thỏa thuận cho vay lại này.

b. Bộ Tài chính có trách nhiệm theo dõi và hạch toán việc nộp ngân sách các khoản thu hồi vốn cho vay lại của UBND tỉnh/thành phố..... theo quy định tại Quyết định số 01/2013/QĐ-TTg ngày 07/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế lập, sử dụng và quản lý Quỹ Tích lũy trả nợ và các văn bản hướng dẫn thực hiện, sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu có).

ĐIỀU IV
Bồi thường, Hoàn trả

Mục 4.01

Trường hợp UBND tỉnh/thành phố..... không thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo Thỏa thuận cho vay lại này, Bộ Tài chính có quyền, tùy theo sự lựa chọn của mình, quyết định yêu cầu UBND tỉnh/thành phố..... bồi thường theo quy định của pháp luật, bao gồm cả việc dừng giải ngân vốn vay nước ngoài của Dự án và dừng xem xét các khoản vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài khác.

Mục 4.02

Không một quy định nào trong Thỏa thuận cho vay lại này được làm phương hại hay ảnh hưởng đến các quyền và quyền được bồi thường của Bộ Tài chính có được theo luật pháp.

Mục 4.03

Nếu các quyền rút vốn của Việt Nam theo Hiệp định vay bị đình chỉ hay chấm dứt, bất kể vì lý do gì, thì việc giải ngân vốn cho vay lại cho UBND tỉnh/thành phố..... theo Thỏa thuận cho vay lại này cũng sẽ lập tức bị đình chỉ hay chấm dứt trong cùng thời điểm. Đối với các khoản vốn vay nước ngoài cho vay lại đã giải ngân trước đó, UBND tỉnh/ thành phố .....vẫn phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo Thỏa thuận cho vay lại này.

ĐIỀU V
Điều khoản thi hành

Mục 5.01

Thoả thuận cho vay lại này có hiệu lực vào ngày ký (*hoặc ngày có hiệu lực của Hiệp định vay, nếu áp dụng*).

Mục 5.02

Thoả thuận cho vay lại này sẽ ràng buộc cả những tổ chức kế nhiệm UBND tỉnh/thành phố... dưới bất kỳ hình thức nào.

Mục 5.03

Trong quá trình thực hiện căn cứ tình hình thực tế và nếu thấy cần thiết, hai bên sẽ cùng xem xét bổ sung, sửa đổi Thỏa thuận cho vay lại này. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung của Thoả thuận cho vay lại này sẽ phải được thực hiện bằng văn bản và được cả hai Bên cùng ký và là một bộ phận không tách rời của Thoả thuận cho vay lại này.

Mục 5.04

Thoả thuận cho vay lại được làm 06 bản. Bộ Tài chính và UBND tỉnh/thành phố..... mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Sở Tài chính cấp tỉnh/thành phố..... và Kho bạc Nhà nước tỉnh/thành phố..... mỗi bên giữ 01 bản.

Mục 5.05

Trường hợp UBND tỉnh/ thành phố .....có nợ vay quá hạn trên 180 ngày, Bộ Tài chính không xem xét phê duyệt các khoản vay lại từ nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi cho các dự án khác và áp dụng các biện pháp khác theo quy

định của Luật Ngân sách Nhà nước để thu hồi các khoản quá hạn cho Quỹ Tích lũy trả nợ. Trường hợp UBND tỉnh/thành phố..... tiếp tục gặp khó khăn không trả được nợ, UBND tỉnh/thành phố .... có văn bản gửi Bộ Tài chính hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ để có biện pháp xử lý từng trường hợp cụ thể theo thẩm quyền. Trong quá trình thực hiện Thỏa thuận cho vay lại phát sinh khó khăn vướng mắc, Bộ Tài chính và UBND tỉnh/thành phố.... báo cáo Thủ tướng Chính phủ có biện pháp xử lý.

Mục 5.06

Thỏa thuận cho vay lại chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- UBND tỉnh/thành phố ..... trả hết nợ gốc, nợ lãi, nợ gốc quá hạn, nợ lãi chậm trả và phí, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có) phát sinh từ Thỏa thuận cho vay lại này.

- Thỏa thuận bằng văn bản giữa Bộ Tài chính và UBND tỉnh/thành phố ..

Mục 5.07

Bộ Tài chính và UBND tỉnh/thành phố ..... chịu trách nhiệm thực hiện đúng các thỏa thuận trên đây. Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế và nếu thấy cần thiết, hai bên sẽ cùng xem xét bổ sung, sửa đổi Thỏa thuận này.

Mục 5.08

Mọi thông báo, hoặc yêu cầu liên quan đến Thoả thuận cho vay lại này phải được thực hiện bằng văn bản và gửi cho các bên theo địa chỉ sau:

Bộ Tài chính:

Số 28 đường Trần Hưng Đạo
Hà Nội, Việt Nam
Fax: (84.4) 22208020

Uỷ ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Địa chỉ:
Fax: ...

Thoả thuận cho vay lại này được ký kết theo tên tương ứng của đại diện mỗi bên và được ban hành tại Hà Nội.

UỶ BAN NHÂN DÂN TTỈNH/THÀNH PHỐ...	**BỘ TÀI CHÍNH**
Đại diện được ủy quyền	Đại diện được ủy quyền
(ký, đóng dấu)	(ký, đóng dấu)
(Họ và tên)	**(Họ và tên)**

Phụ lục 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số ..... /2016/NĐ-CP của Bộ Tài chính hướng dẫn cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với UBND Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.)

Chủ dự án:.....
Số:...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Chương trình dự án UBND cấp tỉnh nhận vay lại

Kính gửi: Kho bạc nhà nước .....

Tên dự án, công trình:..... Mã dự án đầu tư: .....

Chủ dự án/Ban QLDA..... mã số ĐVSDNS:.....

Số tài khoản của chủ dự án: - Vốn trong nước.....tại :.....

- Vốn ngoài nước..... ..tại.....

Căn cứ hợp đồng số:.....ngày.... tháng..... năm..Phụ lục bổ sung hợp đồng số...ngày...tháng...năm...

Căn cứ bảng xác định giá trị KLHT đề nghị thanh toán số...ngày....tháng ...r (kèm theo Biên bản nghiệm thu KLHT)

Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán:.....đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán.....đồng.

Số tiền đề nghị: | Tạm ứng | Thanh toán | Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch ch

Thuộc nguồn vốn: (NSNN; CTMT, ODA, vay ưu đãi)..... Tên nhà tài trợ: .....

Thuộc kế hoạch vốn: Năm... Tỷ lệ cho vay lại/cấp phát:.....

(Trường hợp sử dụng nhiều nguồn vốn nước ngoài thì kê chi tiết từng nguồn vốn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn TN	Vốn NN	Vốn TN	Vốn NN
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					Vốn cấp phát:
					Vốn vay lại:
Cộng tổng					

(Ghi chú: Đồng tiền đề nghị xác nhận theo quy định của hợp đồng....)

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số:.....

Bằng chữ:.....

.....

(Ghi rõ: Vốn vay...../hoặc viện trợ không hoàn lại.....)

Trong đó: - Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số):.....

+ Vốn trong nước.....

+ Vốn ngoài nước.....

- Thuế giá trị gia tăng

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số)

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số).....

+ Vốn trong nước.....

+ Vốn ngoài nước.....

Trong đó: Vốn cấp phát: ..... Vốn vay lại: .....

Tên đơn vị thụ hưởng.....

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng.....tại .....

Ngày..... tháng..... năm....

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ dự án
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày nhận chứng từ.....

Kho bạc nhà nước chấp nhận | Tạm ứng | Thanh toán | Theo nội dung sau:

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Số vốn chấp nhận			
+ Mục..., tiểu mục.....			
+ Mục..., tiểu mục.....			
+ Mục..., tiểu mục.....			
+ Mục..., tiểu mục.....			
Trong đó:			
+ Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
+ Thuế giá trị gia tăng			
+.....			
+ Số trả đơn vị thụ hưởng			
Trong đó: Vốn cấp phát			
Vốn vay lại			
Bằng chữ:			
Số từ chối:			
Lý do:			

Ghi chú:.....

.....

.....

Cán bộ thanh toán	**Trưởng phòng**	**Giám đốc KBNN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số ..... /2017/NĐ-CP của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức thực hiện cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với UBND Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY NHẬN NỢ SỐ ...

GIỮA BỘ TÀI CHÍNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...

Dự án: ...

- Căn cứ {tên Thỏa thuận vay nước ngoài} ...;

- Căn cứ Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

- Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28/4/2017 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Căn cứ Quyết định số ... phê duyệt chủ trương đầu tư dự án của tỉnh ...;

- Căn cứ Quyết định số ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... về việc phê duyệt nội dung văn kiện dự án ...

Hôm nay, ngày tháng năm 2017, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... ký Giấy nhận nợ sau đây:

1. Người cho vay: Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Bộ Tài chính.

   Địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

   Điện thoại: (04) 2220 2828

   Tên người đại diện:

   và

   Người vay: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

   Địa chỉ:

   Điện thoại:

   Tên người đại diện:

2. Số tiền nhận nợ đợt ... Dự án ... theo giấy thông báo rút vốn của Nhà tài trợ như sau:

Ngày nhận nợ	Số tiền nhận nợ	Lũy kế nhận nợ	Ghi chú
Tổng cộng			

- Số tiền nhận nợ đợt ... bằng chữ: ...

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... cam kết nhận nợ với Bộ Tài chính lũy kế tính đến Giấy nhận nợ số ... số tiền **...** Các điều kiện vay, trả nợ thực hiện theo quy định tại Thỏa thuận cho vay lại ....

3. Giấy nhận nợ này là một bộ phận không tách rời của Thỏa thuận cho vay lại ký ngày ... giữa Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...
4. Giấy nhận nợ này được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC QUẢN LÝ NỢ VÀ TCĐN

Phụ lục 4

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BTC-QLN	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017.*
V/v ký giấy nhận nợ số ...	

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh ...

Căn cứ Thỏa thuận cho vay lại vốn vay của ... cho dự án ... ký ngày ... và Thông báo rút vốn của Nhà tài trợ, Bộ Tài chính gửi kèm theo Giấy nhận nợ số ... (02 bản) bao gồm các khoản nhận nợ ngày ....

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ... rà soát, đối chiếu, ký Giấy nhận nợ số ... và gửi lại Bộ Tài chính 01 bản gốc trước ngày ....

Nơi nhận:	**TL. BỘ TRƯỞNG**
- Như trên	**KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NỢ VÀ**
- Lưu VT, QLN(6).	**TÀI CHÍNH ĐỐI NGOẠI**
	PHÓ CỤC TRƯỞNG

Phụ lục số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số ..... /2016/NĐ-CP của Bộ Tài chính hướng dẫn cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với UBND Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.)

Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh

SỬ DỤNG VỐN VAY VÀ KẾ HOẠCH TRẢ NỢ VAY LẠI CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNGƯƠNG

Quý ..... Năm .....

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Nhà tài trợ	Kế hoạch vay trong năm	Rút vốn trong Quý	Lũy kế rút vốn từ đầu năm đến nay	Trả nợ trong Quý		Nợ quá hạn (nếu có)		Kế hoạch trả nợ Quý sau	
					Gốc	Lãi và phí	Gốc	Lãi và phí	Gốc	Lãi và phí
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Vay lại vốn ODA										
Dự án...										
Dự án...										
Dự án...										
2. Vay lại vốn vay ưu đãi										
Dự án...										
Dự án...										
Tổng cộng										

	Đầu kỳ	Cuối kỳ
Tỷ lệ trả nợ từ đầu năm tính đến kỳ này của các khoản vay vốn ODA và vay ưu đãi so với thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp (%)		